BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO AN NINH NGUỒN NƯỚC MÙA LŨ VỀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TỪ LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG

(Tháng 11/2026)

THUỘC NHIỆM VỤ

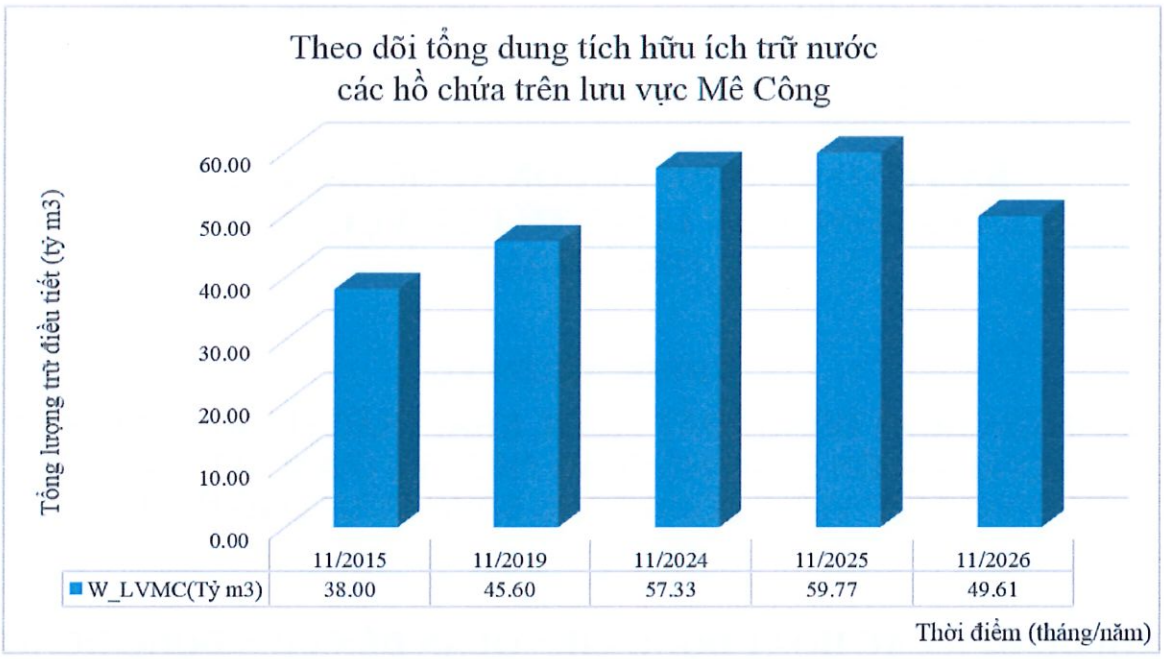
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN, KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC Ở THƯỢNG NGUỒN SÔNG MÊ CÔNG PHỤC VỤ GIÁM SÁT AN NINH NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2026

NỘI DUNG 1: CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÒNG CHẢY VÀ NGUỒN NƯỚC, SỬ DỤNG NƯỚC Ở THƯỢNG NGUỒN SÔNG MÊ CÔNG

1.1. Các hoạt động xây dựng và phát triển trên lưu vực Mê Công

Các hoạt động phát triển trên lưu vực đáng chú ý là các hoạt động xây dựng và phát triển thủy điện. Thông tin cập nhật phát triển thủy điện trên lưu vực từ Ủy hội sông Mê Công quốc tế và rà soát thông tin từ các nguồn khác, từ các quốc gia, tổng dung tích hữu ích của các hồ chứa hiện có trên lưu vực vào khoảng 65,56 tỷ m^3, trong đó Trung Quốc có 12 hồ với tổng dung tích hữu ích là 23,40 tỷ m^3; Lào có khoảng 100 hồ với tổng dung tích hữu ích khoảng 35,50 tỷ m^3; Thái Lan có 7 hồ với tổng dung tích hữu ích là 3,58 tỷ m^3; Campuchia có 2 hồ với tổng dung tích hữu ích là 0,33 tỷ m^3; và phía Tây Nguyên của Việt Nam có 14 hồ với tổng dung tích hữu ích là 2,75 tỷ m^3.

Lượng trữ nước của các hồ này và vận hành thủy điện hiện nay được xem là có vai trò quyết định đến chế độ dòng chảy xuống hạ lưu, việc tích xả nước của các hồ chứa này liên tục được cập nhật. Hiện nay đã vào cuối mùa lũ, tổng lượng nước tích của các hồ chứa trên lưu vực thấp hơn so với cùng thời điểm ở năm 2024 và 2025. Các hồ sẽ phải gia tăng tích trữ nước bổ sung khi có thể để phục vụ phát điện trong thời kì mùa kiệt 2027, vì vậy việc tích nước bất thường rất có thể xảy ra trong thời gian tới và các tháng kiệt.



Hình 1: Tích nước của các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công đến 01/11/2026 so với cùng thời kỳ các năm gần đây

Các hoạt động xây dựng phát triển khác: Thông tin về các dự án đầu tư xây dựng công trình bên dòng chính và nhánh sông Mê Công của Lào thuộc dự án Quản lý Rủi ro Thiên tai II khu vực Đông Nam Á, bao gồm việc xây dựng các kè bảo vệ ngập lụt bờ sông Mê Công và các nhánh sông tại các thành phố Muang Xay thuộc tỉnh Oudomxay, Luang Prabang thuộc tỉnh Luang Prabang và Paksan thuộc tỉnh Bolkhamxay với tổng chiều dài khoảng 19,33km. Các ảnh hưởng từ các hoạt động dự án này xuống hạ lưu được xem là **không đáng kể**.

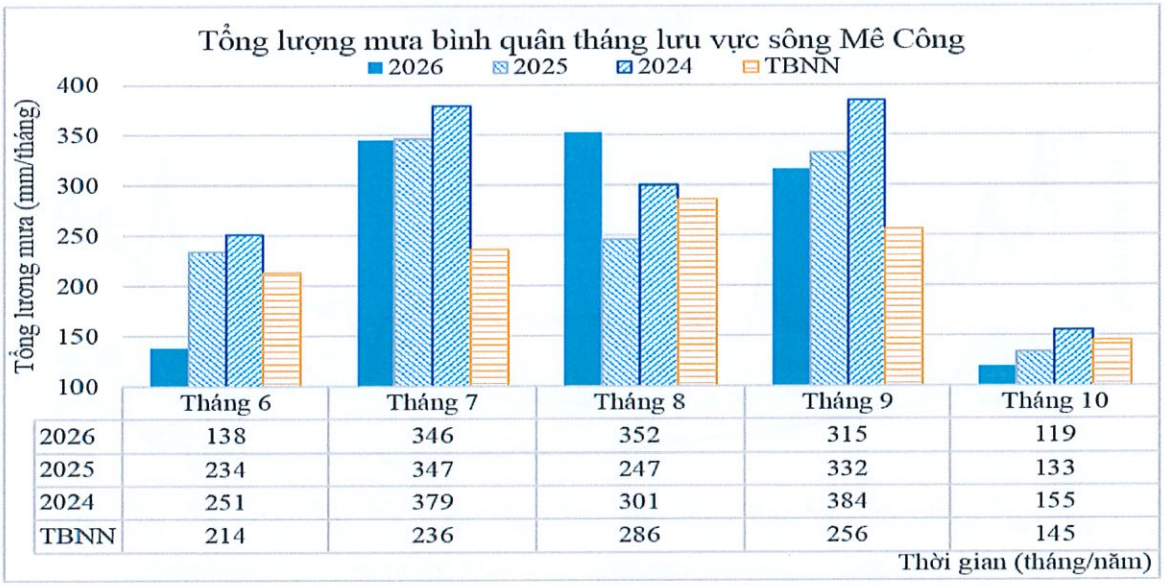
Các hoạt động phát triển khác như dự án kênh giao thông thủy Funal Techo của Campuchia đã xong đoạn 1. Ngày 12/4/2026 Campuchia đã làm lễ khởi công đoạn 2 của dự án kênh đào Funal (Dự án Quản lý tài nguyên nước tổng hợp Funal Techo) thuộc tỉnh Takeo, dự kiến dự án sẽ hoàn thành năm 2029, các thông tin về dự án sẽ tiếp tục được cập nhật. Như vậy những quan ngại dự án kết hợp tưới phục vụ nông nghiệp là có căn cứ. Theo báo Khmertimes và Cambojanews đến hiện nay tháng 11/2026 các hoạt động cắm mốc phân ranh đang triển khai, các hoạt động giải tỏa đền bù vẫn bị chậm tiến độ.



Hình 2: Một số hình ảnh động thổ đoạn 2 dự án Funal Techo, 12/04/2026 (theo Xinhua)

Về tiến độ phát triển thủy điện trên dòng chính hạ lưu vực sông Mê Công: ngoài 2 thủy điện Xayaburi và Don Sahong đã hoàn thành và đi vào vận hành thương mại, thủy điện Luông Prabang đã hoàn thành hơn 72% khối lượng (tháng 7/2026) và dự kiến hoàn thành để phát điện năm 2030; Thủy điện Pak Lay đang triển khai thi công và dự kiến hoàn thành đi vào vận hành đến 2033; Thủy điện Pak Beng đang triển khai thi công và dự kiến hoàn thành đi vào vận hành thương mại tháng 1/2033; Thủy điện Sanakhan dự kiến triển khai thực hiện từ 2025 nhưng đến nay vẫn chưa được thực hiện do các quan ngại liên quan đến tác động môi trường của dự án này. Ngoài ra, Ngân hàng Châu Á (ADB) hiện đang tài trợ dự án Quy hoạch tổng thể về lưu vực sông có khả năng chống chịu tại Campuchia, trong đó Giai đoạn 1 của dự án 'Nhóm lưu vực sông Tonle Sap' được xem là đáng quan tâm. Viện đang và sẽ tiếp tục theo dõi, tổng hợp các công bố từ những tổ chức uy tín trong và ngoài nước để đánh giá và sẽ cung cấp cho các bên liên quan trong những báo cáo tiếp theo.

1.2. Diễn biến mưa trên lưu vực Mê Công

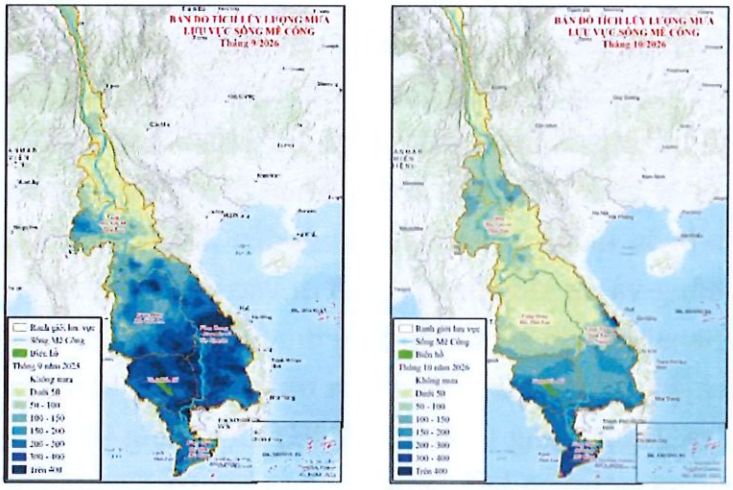


	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10
2026	138	346	352	315	119
2025	234	347	247	332	133
2024	251	379	301	384	155
TBNN	214	236	286	256	145

Hình 3: Tổng hợp lượng mưa trên hạ lưu vực sông Mê Công từ tháng 6 đến tháng 10/2026

Tổng hợp phân tích các số liệu thu thập từ Ủy hội quốc tế sông Mê Công cho thấy, tổng lượng mưa trung bình tháng 6 thấp hơn TBNN 76mm, tháng 7 đến tháng 9 cao hơn TBNN 59mm-110mm, tháng 10 thấp hơn so với TBNN 26mm (Hình 3).

Kết quả phân tích số liệu từ ảnh vệ tinh về mưa trên lưu vực sông Mê Công cho thấy, tháng 9/2026 mưa 300-400mm chỉ xuất hiện ở vùng Trung-Nam Lào và vùng Biển hồ Tonle Sap, khu vực thượng lưu vực sông Mê Công mưa ít hơn, khoảng dưới 100mm; tháng 10 mưa xuất hiện tập trung ở khu vực Nam Lào, Tây Nguyên-Việt Nam, Campuchia và ĐBSCL (Hình 4).



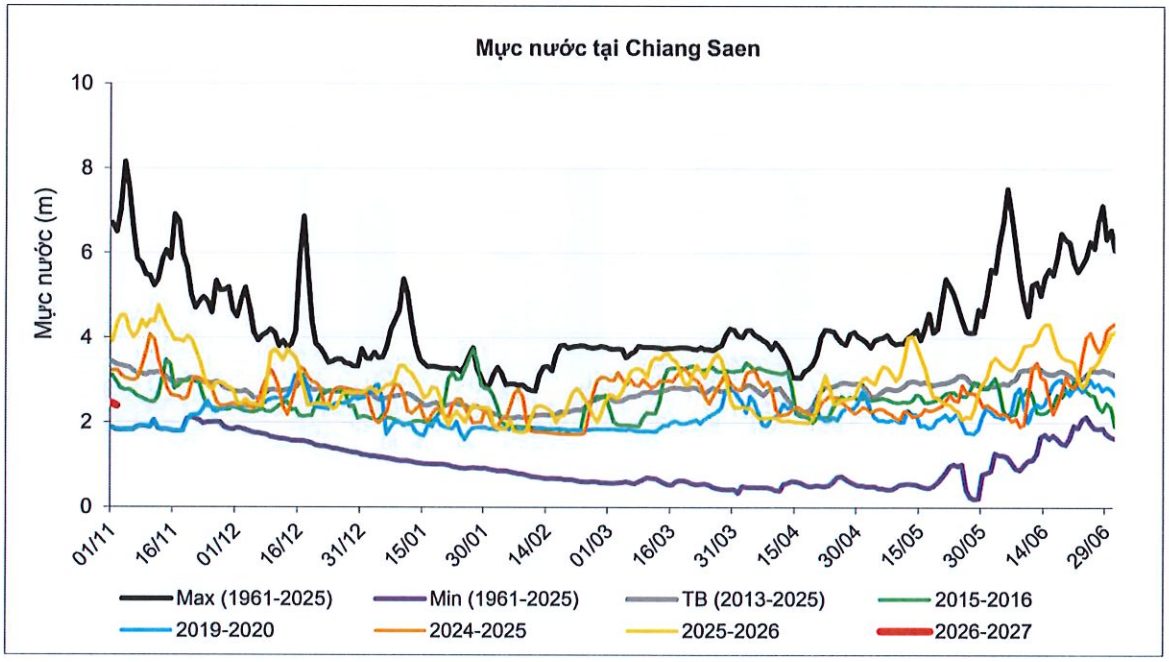
Tháng 9 *Tháng 10*

Nguồn: số liệu mưa từ GSMAP (JAXA Global Rainfall Watch (GSMaP)); Thiết lập hình ảnh minh họa mưa trên lưu vực bởi SIWRR

Hình 4: Cập nhật diễn biến mưa trên lưu vực Mê Công tháng 9 và tháng 10/2026

1.3. Diễn biến dòng chảy trên dòng chính lưu vực Mê Công

Diễn biến dòng chảy thể hiện qua thay đổi mực nước các trạm trên dòng chính lưu vực sông Mê Công tại: Chiang Saen, Pakse và Kratie; Một số phân tích tính toán đặc trưng dòng chảy từ đầu mùa lũ tới nay được đưa ra dưới đây:



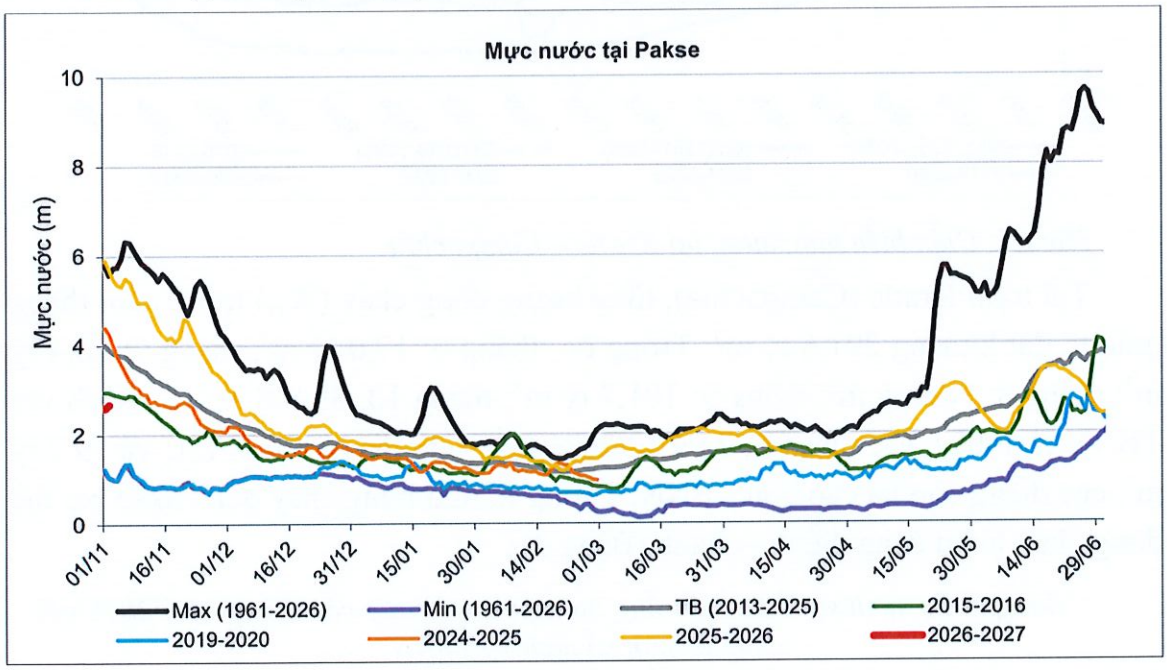
Hình 5: Diễn biến mực nước tại Chiang Saen – Thái Lan

Tổng lượng dòng chảy qua trạm Chiang Saen (W_{cs}) trong sáu tháng mùa lũ *(từ tháng 6-10/2026)* khoảng 34,9 tỷ m^3. Trong đó, tháng 6: 5,9 tỷ m^3; tháng 7: 6,4 tỷ m^3; tháng 8: 12,4 tỷ m^3; tháng 9: 6,7 tỷ m^3; tháng 10: 3,6 tỷ m^3. So sánh với trung bình nhiều năm (TBNN) từ năm 2013 đến 2025 cho thấy, W_{cs} các tháng 6, 7, 8 cao hơn từ 0,2 đến 3,7 tỷ m^3, tuy nhiên thấp hơn khoảng 0,8 tỷ m^3 ở tháng 9. Tháng 10 có W_{cs} cao hơn cùng kỳ năm 2019 và thấp hơn các năm còn lại (Bảng 1).

Bảng 1: So sánh sự khác biệt tổng lượng trạm Chiang Saen các tháng năm 2026 với cùng kỳ một số năm và TBNN

Tháng	Tổng lượng (tỷ m^3)	Khác biệt tổng lượng (tỷ m^3) năm 2026 so với đặc trưng TBNN và một số năm khác cùng kỳ					
		TBNN	2025	2024	2023	2019	2015
Th.6/2026	5,9	1,2	1,5	1,3	2,3	0,6	0,0
Th.7/2026	6,4	0,2	-3,5	0,7	0,5	2,9	-0,5
Th.8/2026	12,4	3,7	1,4	-1,8	5,7	8,5	1,8
Th.9/2026	6,7	-0,8	-1,6	-4,9	0,9	3,3	-0,8
Th.10/2026	3,6	-1,9	-5,5	-2,7	-1,9	0,9	-1,5

Ghi chú: *(-) là thấp hơn; (+) là cao hơn*



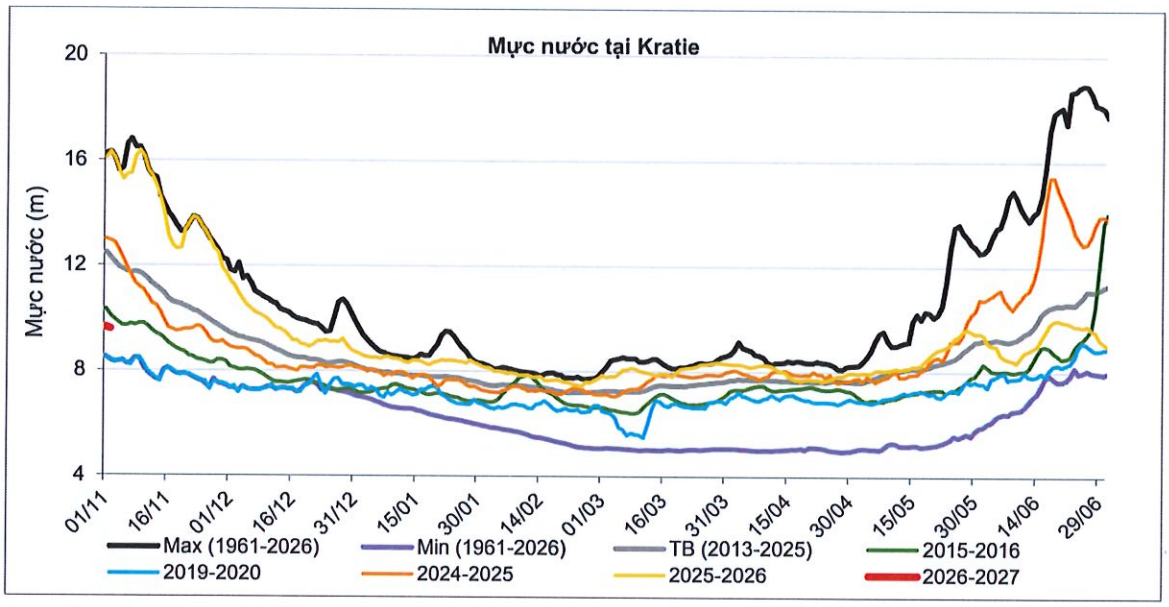
Hình 6: Diễn biến mực nước tại Pakse – Lào

Tại Pakse, tổng lượng dòng chảy (W_{ps}) trong năm tháng mùa lũ đạt khoảng 229,4 tỷ m^3. Trong đó, tháng 6: 14,8 tỷ m^3; tháng 7: 39,5 tỷ m^3; tháng 8: 84,8 tỷ m^3; tháng 9: 69,0 tỷ m^3; tháng 10: 21,2 tỷ m^3. So sánh với TBNN cho thấy, ngoại trừ tháng 6 và tháng 10/2026 thấp hơn lần lượt 2,5 và 14,4 tỷ m^3, các tháng còn lại đều cao hơn. Tuy nhiên, xu thế giảm dòng chảy đang diễn ra nhanh (Bảng 2).

Bảng 2: So sánh sự khác biệt tổng lượng trạm Pakse các tháng năm 2026 với cùng kỳ một số năm và TBNN

Tháng	Tổng lượng (tỷ m^3)	Khác biệt tổng lượng (tỷ m^3) năm 2026 so với đặc trưng TBNN và một số năm khác cùng kỳ					
		TBNN	2025	2024	2023	2019	2015
Th.6/2026	14,8	-2,5	-12,9	1,3	3,3	-0,4	3,2
Th.7/2026	39,5	4,9	-21,4	0,2	17,6	25,0	15,5
Th.8/2026	84,8	27,3	19,1	26,4	28,2	45,8	27,3
Th.9/2026	69,0	11,1	2,7	-5,1	13,0	-5,4	17,7
Th.10/2026	21,2	-14,4	-40,5	-20,4	-26,5	9,2	-10,6

Ghi chú: *(-) là thấp hơn; (+) là cao hơn*



Hình 7: Diễn biến mực nước tại Kratie – Campuchia

Tại trạm Kratie (Campuchia), tổng lượng dòng chảy (W_{kr}) trong năm tháng mùa lũ đạt khoảng 291,6 tỷ m^3. Trong đó, tháng 6: 17,0 tỷ m^3; tháng 7: 40,4 tỷ m^3; tháng 8: 98,6 tỷ m^3; tháng 9: 101,7 tỷ m^3; tháng 10: 33,8 tỷ m^3. So sánh với TBNN cho thấy, các tháng 6, 7 và 10/2026 thấp hơn lần lượt 4,4; 2,1; và 19,2 tỷ m^3, các tháng còn lại cao hơn TBNN. Tương tự như dòng chảy qua Pakse, xu thế dòng chảy giảm đang diễn ra nhanh (Bảng 3).

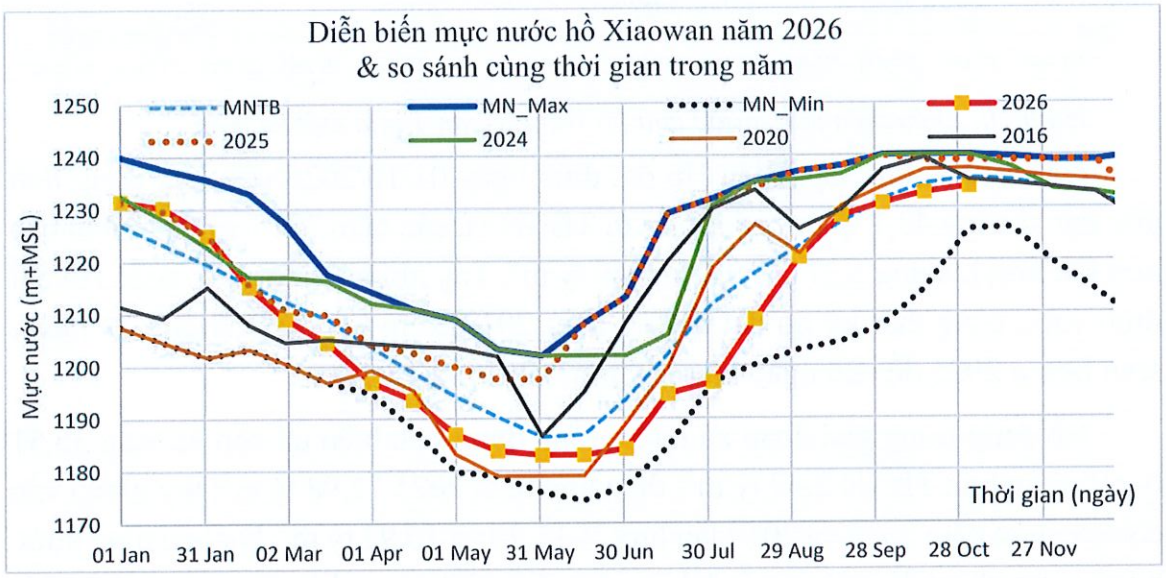
Bảng 3: So sánh sự khác biệt tổng lượng trạm Kratie các tháng năm 2026 với cùng kỳ một số năm và TBNN

Tháng	Tổng lượng (tỷ m^3)	Khác biệt tổng lượng (tỷ m^3) năm 2026 so với đặc trưng TBNN và một số năm khác cùng kỳ					
		TBNN	2025	2024	2023	2019	2015
Th.6/2026	17,0	-4,4	-18,3	0,5	0,6	-0,2	2,7
Th.7/2026	40,4	-2,1	-27,3	-12,5	7,5	20,2	11,7
Th.8/2026	98,6	29,6	19,6	31,3	29,1	49,0	37,1
Th.9/2026	101,7	26,3	4,1	6,1	23,5	-10,4	43,0
Th.10/2026	33,8	-19,2	-53,6	-23,2	-32,9	10,3	-9,7

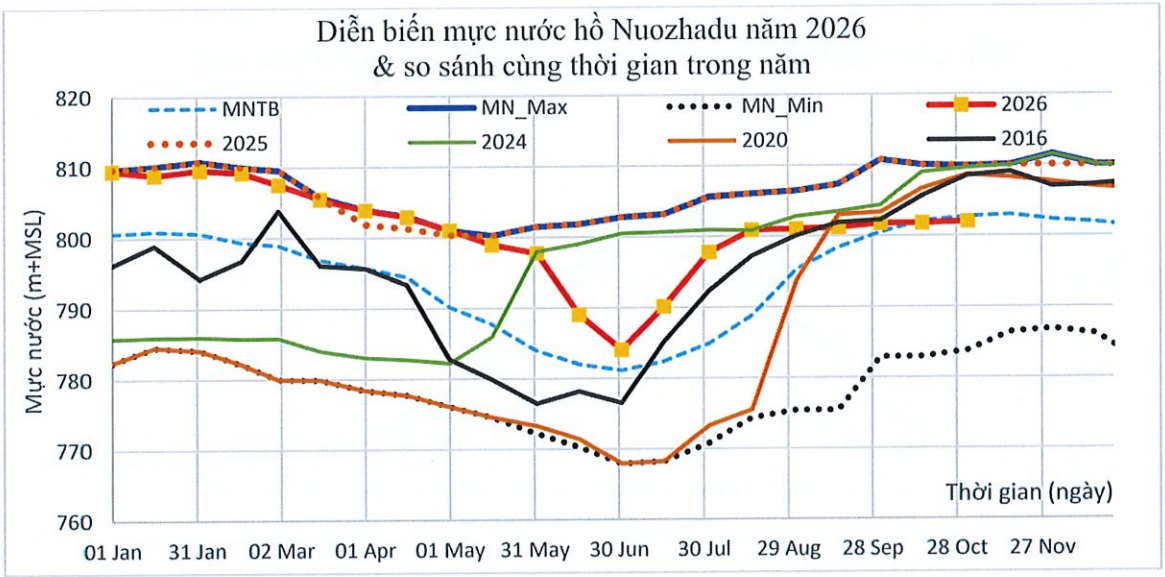
Ghi chú: *(-) là thấp hơn; (+) là cao hơn*

1.4. Lượng trữ các hồ chứa trên lưu vực Mê Công và biển hồ Tonle Sap

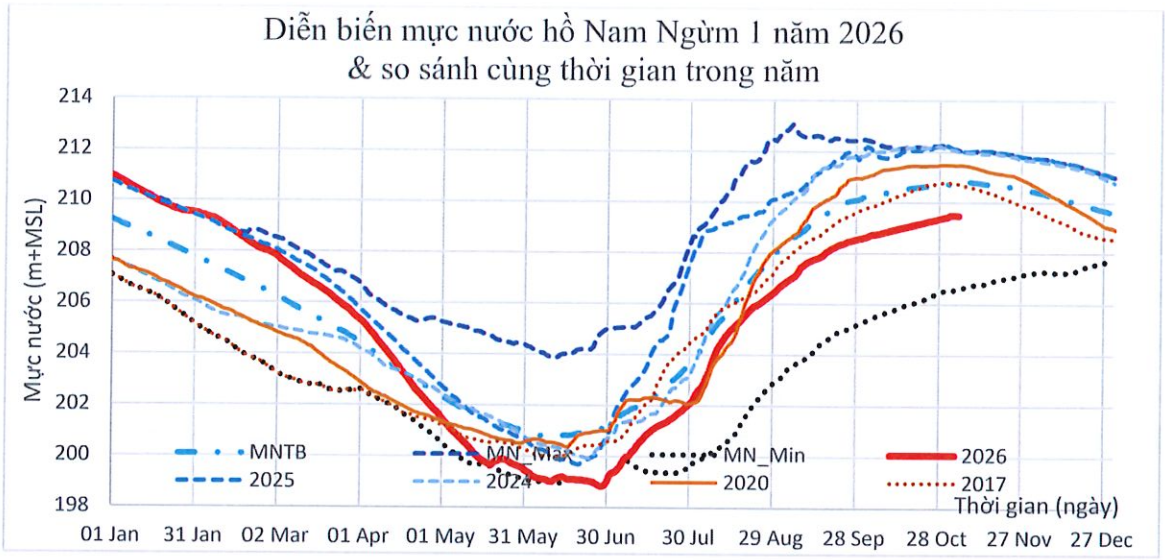
Cập nhật dung tích hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công đến ngày 01 tháng 11/2026 cho thấy, tổng dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2026-2027 trên lưu vực sông Mê Công có khoảng 49,61 tỷ m^3. Trong đó các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 18,68 tỷ m^3, tương đương với 78,6% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 74,1% tổng dung dích hữu ích. So với cùng kỳ năm 2025 thấp hơn 10,16 tỷ m^3, so với năm 2024 thấp hơn 7,72 tỷ m^3; so với thời kỳ 2015-2016 cao hơn khoảng 11,6 tỷ m^3; so với cùng kỳ 2019-2020 cao hơn khoảng 4,0 tỷ m^3.



Hình 8: Diễn biến mực nước của hồ Tiểu Loan (Xiaowan) qua một số năm



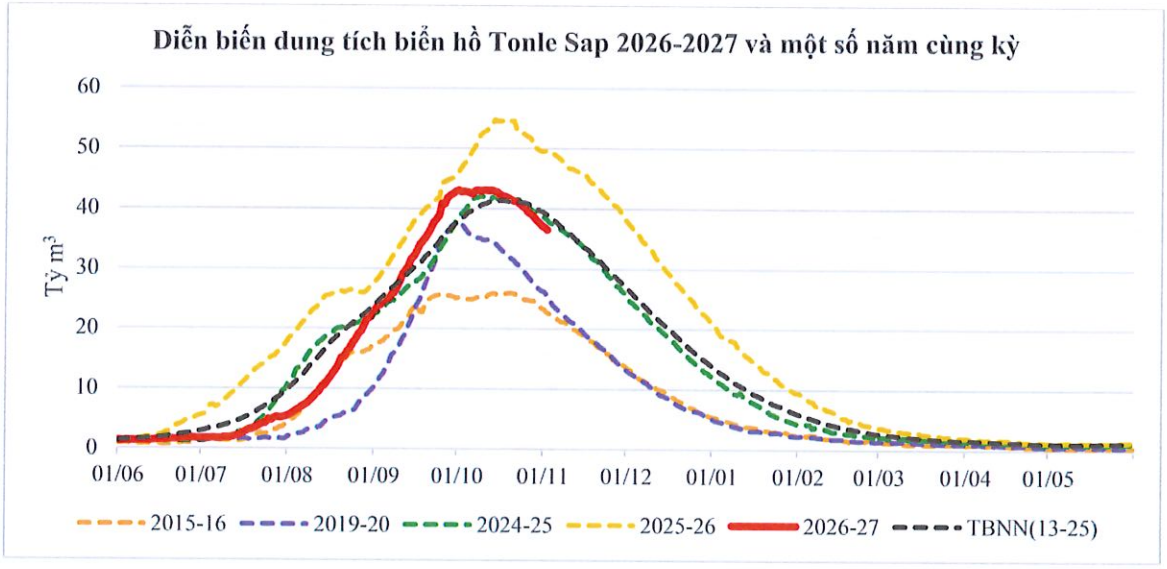
Hình 9: Diễn biến mực nước của hồ Nọa Trác Độ (Nuozhadu) qua một số năm



Hình 10: Diễn biến mực nước của hồ Nam Ngừm 1 qua một số năm

Khu vực Tonle Sap, Biển Hồ đạt đỉnh ngày 01/10/2026 với tổng dung tích ước đạt khoảng 43,1 tỷ m^3; so sánh với TBNN và các năm 2015 và 2019 đều cao hơn lần lượt khoảng 5,37; 17,93 và 5,49 tỷ m^3. Tuy nhiên, mực nước Biển Hồ đạt đỉnh sớm, cùng thời kỳ hồ đạt đỉnh ở năm 2019, sớm hơn TBNN đến 19 ngày, sớm hơn ở 2025 đến 20 ngày và sớm hơn ở 2015 là 18 ngày.

Hồ đang trong giai đoạn xả nước, tổng dung tích hiện tại còn khoảng 36,51 tỷ m^3; thấp hơn TBNN 2,47 tỷ m^3; thấp hơn năm 2025 12,98 tỷ m^3; tuy nhiên vẫn còn cao hơn năm 2015 và 2019 lần lượt là 13,79 và 10,92 tỷ m^3. Dự báo mực nước hồ sẽ giảm nhanh làm sớm mất đi khả năng điều tiết dòng chảy cho mùa kiệt 2026-2027, hiệu quả điều tiết dòng chảy mùa kiệt giảm, đặc biệt ở các tháng cao điểm của xâm nhập mặn (tháng 2-4/2027).



Hình 11: Dung tích hồ Tonle Sap năm 2026-2027 và một số năm

1.5. Nhu cầu sử dụng nước trên lưu vực Mê Công

Dự báo tổng nhu cầu sử dụng nước (NCN) trên phần lãnh thổ của các quốc gia trên lưu vực Mê Công trong tháng 11/2026 (không kể vùng ĐBSCL) trung bình khoảng 4,42 tỷ m^3, tập trung chủ yếu ở Campuchia và Thái Lan. Trong thời gian này, nguồn nước còn thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, vì vậy nhu cầu sử dụng nước của các quốc gia thượng lưu được xem là **chưa ảnh hưởng đáng kể đến nguồn nước về đồng bằng sông Cửu Long**.

Bảng 4: Tổng hợp tính toán nhu cầu nước của các quốc gia thượng lưu ĐBSCL tháng 11/2026

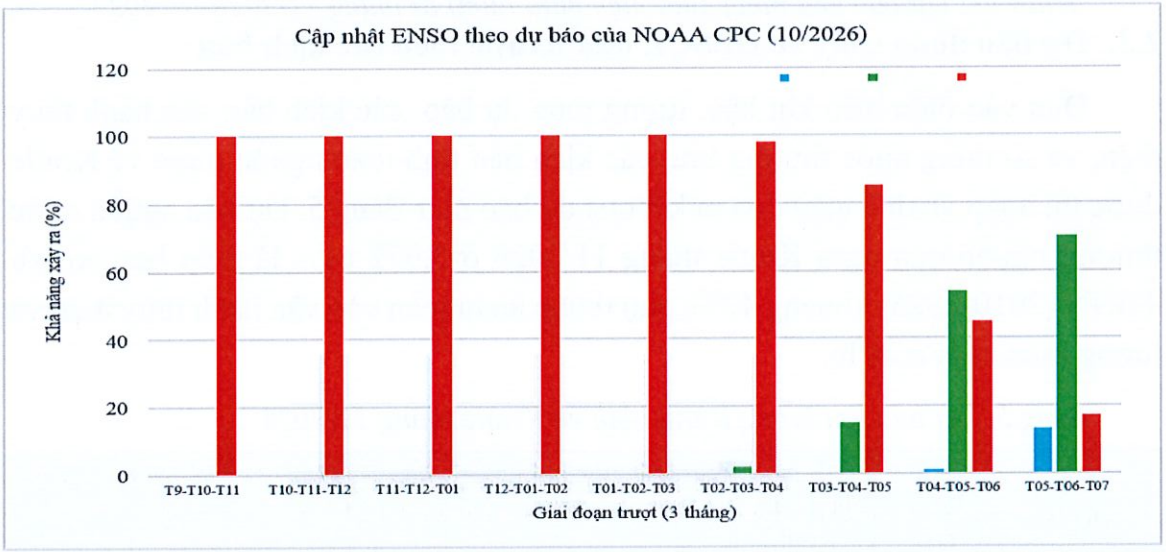
Đơn vị: tỷ m^3

Tháng	Kịch bản	Lào	Thái Lan	Campuchia	Tây Nguyên VN	Tổng
11	Cao	1,21	1,22	1,79	0,40	4,61
	Thấp	1,11	1,11	1,64	0,37	4,23
	Trung bình	1,16	1,16	1,71	0,38	4,42

NỘI DUNG 2: ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO THEO CÁC KỊCH BẢN CÁC TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÀ AN NINH NGUỒN NƯỚC Ở ĐBSCL

2.1. Cập nhật trạng thái ENSO

Theo số liệu cập nhật của NOAA, điều kiện khí hậu giai đoạn từ tháng 9 đến hết năm 2026 ESNO ở trạng thái El Niño vẫn hoạt động ở xác suất lên tới 100% và có thể kéo dài đến giai đoạn tháng 3-5/2027 ở xác suất rất cao. Sau đó El Niño sẽ suy giảm dần và ENSO trung tính sẽ chiếm xu thế, giai đoạn tháng 4-6/2027 xác suất xuất hiện El Niño còn 45% và ENSO trung tính ở mức 54%.

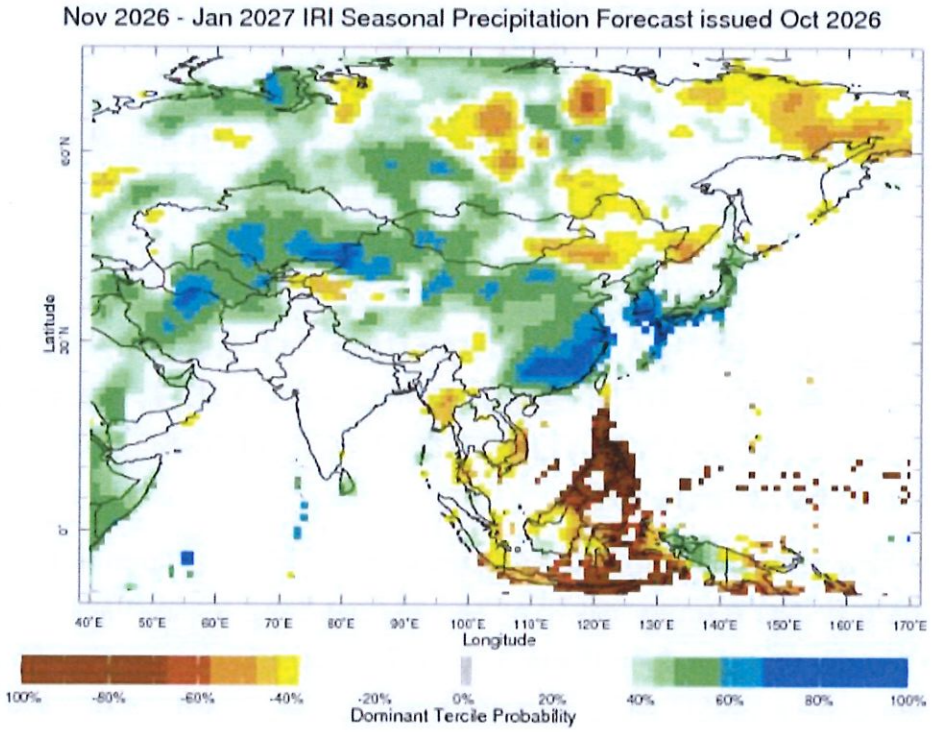


Nguồn: IRI (NOAA CPC - https://iri.columbia.edu/our-expertise/climate/forecasts/enso/current/)

Hình 12: Dự báo khả năng xuất hiện các trạng thái ENSO 2026-2027

2.2. Cập nhật dự báo mưa

Thông tin dự báo mưa được thu thập từ các tổ chức dự báo toàn cầu cho thấy sự thiếu hụt mưa trên lưu vực Mê Công từ tháng 11 đến tháng 01/2026 từ 40-60% so với TBNN. Sự thiếu hụt mưa trên lưu vực vào cuối mùa mưa dẫn đến suy giảm nhanh dòng chảy về hạ lưu vực sông Mê Công, kéo theo việc rút nước nhanh từ biển hồ Tonle Sap làm giảm hiệu quả điều tiết của hồ cho Đồng bằng vào mùa khô 2026-2027 và có thể làm mặn xuất hiện sớm trên đồng bằng.



Nguồn: iri

Hình 13: Dự báo khả năng xuất hiện mưa (mm) từ tháng 11/2026-01/2027

2.3. Dự báo dòng chảy về ĐBSCL qua Kratie theo các kịch bản

Dựa vào diễn biến khí hậu, lượng mưa dự báo, các kịch bản vận hành thủy điện, và sử dụng nước thượng lưu, các kịch bản tính toán nguồn nước về Kratie được thiết lập và tính toán đưa ra kết quả dự báo như Bảng 5. Dự báo nguồn nước thượng nguồn qua trạm Kratie tháng 11/2026 ở 5.972 m^3/s là thấp hơn so với TBNN (2010-2025) khoảng 42%, phụ thuộc hoàn toàn vào vận hành thủy điện và lượng mưa cuối mùa lũ.

Bảng 5: Dự báo lưu lượng trung bình về Kratie tháng 11/2026

Tháng	Kịch bản	Lưu lượng tại Kratie Q (m^3/s)	So sánh lưu lượng tăng/giảm các tháng dự báo tháng 10/2026 với cùng thời kỳ một số năm gần đây					
			TBNN	2025	2024	2023	2019	2015
Th.10/2026	Thực đo	12.622	-7.185	-19.998	-8.673	-12.300	3.845	-3.626
Dự báo Th.11/2026	Thấp	4.723	-5.489	-13.250	-4.310	-5.739	405	-1.650
	Tb	5.792	-4.240	-12.001	-3.061	-4.490	1.654	-401
	Cao	8.470	-1.742	-9.503	-563	-1.992	4.152	2.097

2.4. An ninh nguồn nước về ĐBSCL và vấn đề cần quan tâm trên đồng bằng

Dự báo El Niño đang hiện hữu, trong thời kỳ từ tháng 11/2026-01/2027, trạng thái El Niño có cường độ rất mạnh với xác suất rất cao ở mức 100%; thời kỳ từ tháng 01-03/2027, tiếp tục duy trì cường độ rất mạnh nhưng khả năng giảm cường độ so với thời kỳ từ tháng 11/2026-01/2027. Nhiều khả năng hiện tượng El Niño sẽ còn tiếp tục duy trì đến các tháng đầu mùa hè năm 2027.

Dự báo, tháng 11 mưa thấp hơn trung bình nhiều năm, tiềm năng nguồn nước về đồng bằng ở mức thấp hơn TBNN đến 42%. Nguồn nước về Kratie thuộc nhóm năm ít nước, tần suất dòng chảy tháng 11/2026 dao động trong khoảng tần suất 70-93%, tùy thuộc vào sự vận hành tích nước của các hồ thủy điện thượng lưu và mưa cuối mùa trên lưu vực. Điều tiết nước từ biển hồ Tonle Sap xuống hạ lưu trong tháng 11 xấp xỉ so với lưu lượng đến qua Kratie, tổng lưu lượng nước về ĐBSCL qua Tân Châu và Châu Đốc vào khoảng 12.000 m^3/s, vì vậy an ninh nguồn nước về đồng bằng trong tháng được đảm bảo. Tuy nhiên nguồn nước sẽ giảm nhanh ở các tháng đầu mùa khô 2026-2027.

Với tình hình nguồn nước đến Kratie như dự báo, việc tích nước của các hồ chứa trên lưu vực còn thấp, mới đạt bình quân khoảng 76,54% tổng dung tích hữu ích các hồ chứa, các hồ sẽ gia tăng tích nước làm khả năng nguồn nước về cao trong tháng 11 là ít xảy ra. Lũ trên đồng bằng đã đạt đỉnh lũ chính vụ ngày 27/9 tại Tân Châu là 3,48m và tại Châu Đốc là 3,21m (ngày 28/9). Tuy lũ đã rút nhanh nhưng cần chú ý ảnh hưởng của triều cường trong tháng 11, 2 đợt triều cường cao từ 11-12/11 và 24-28/11. Để đề phòng các tác động bất lợi, cơ quan quản lý và các địa phương theo dõi cập nhật các bản tin, vận hành hợp lý các công trình thủy lợi phòng chống ngập do triều cường, đồng thời chủ động tích trữ nước hoàn thành trước tháng 12 để đảm bảo nguồn nước phòng chống hạn mặn ở mùa khô 2026-2027.

3. Kết luận & kiến nghị

Nguồn nước hiện nay về đồng bằng qua Kratie thuộc nhóm tháng ít đến rất ít nước, tần suất dòng chảy ở tháng 11 dự báo dao động trong khoảng tần suất 70%-93%, là mối đe dọa đến an ninh nguồn nước ở các tháng mùa kiệt năm 2026-2027. Dự báo mưa trên lưu vực phổ biến bằng và thấp hơn so với TBNN, El Niño đang hoạt động có cường độ rất mạnh, nền nhiệt độ cao hơn TBNN 1°C đến 3°C sẽ là yếu tố bất lợi đến nguồn nước về đồng bằng trong mùa khô 2026-2027. Trong điều kiện nguồn nước trữ của các hồ thủy điện ở mức thấp hơn so với năm 2025, dự báo nguồn nước về Kratie trong tháng 11 ở kịch bản trung bình, khoảng 5.792 m^3/s, an ninh nguồn nước trong tháng vẫn là đảm bảo, tuy nhiên cần chủ động các biện pháp tích trữ nước trên đồng bằng, đặc biệt là các khu vực khó khăn về nước, các vùng ven biển để đảm bảo nguồn nước cho sản

xuất và dân sinh các tháng mùa khô 2026-2027. Viện sẽ tiếp tục theo dõi và cập nhật các thông tin thay đổi về nguồn nước về kịp thời cho các địa phương.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM
KT. VIỆN TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Phú Quỳnh